



# Tóm tắt Triết học Mác Lênin - Lecture notes Chương 1,2,3

triethoc (Đại học Vinh)

# Ôn tập HK Triết

## A, Lý thuyết

### 1. Vấn Đề Cơ Bản Của Triết Học Là Gì ? Trình Bày Nội

#### Dung Vấn Đề Cơ Bản Của Triết Học ?

\*Khái niệm: Vấn đề cơ bản của triết học

-Theo Ăng ghe , vấn đề cơ bản của triết học ,đặc biệt là triết học hiện đại ,là mối quan hệ giữa tư duy và tồn tại (hay còn được biết tới là mối quan hệ giữa ý thức và vật chất). -Nội dung vấn đề cơ bản của triết học: vấn đề cơ bản của triết học gồm 2

mặt:

+Mặt thứ nhất trả lời cho câu hỏi ‘vật chất và ý thức ,cái nào có trước, cái nào có sau,cái nào quyết định cái nào?’.Để trả lời cho câu hỏi này

có 3 cách .Chủ nghĩa duy vật cho rằng vật chất là cái có trước và quyết định ý thức. Ngược lại,chủ nghĩa duy tâm lại cho rằng, ý thức có trước, ý thức quyết định vật chất. Các nhà triết học theo trường phái nhị nguyên lại cho rằng vật chất và ý thức là 2 tồn tại độc lập , không nằm trong mối quan hệ quyết định lẫn nhau.

+Mặt thứ hai trả lời cho câu hỏi ‘con người có khả năng nhận thức được thế giới hay không ?’.Câu hỏi này có 2 cách trả lời .Các nhà triết học cho rằng khả tri cho rằng con người hoàn toàn có khả năng nhận thức được thế giới, trong khi các nhà triết học bất khả tri lại cho rằng con người không có khả năng nhận thức được thế giới, hoặc chỉ có thể nhận biết được hiện tượng bên ngoài mà không thể nắm được bản chất bên trong.

### 2. Hai nguyên lí cơ bản của phép biện chứng duy vật

\*Khái niệm mối liên hệ phổ biến:

Là khái niệm dùng để chỉ sự tác động và ràng buộc lẫn nhau, quy định và chuyển hoá lẫn nhau giữa các mặt, các yếu tố, các bộ phận trong một sự vật hoặc giữa các sự vật, hiện tượng với nhau.

### **\*Nội dung và tính chất của mối liên hệ**

– Tính khách quan và phổ biến của mối liên hệ: Nhờ có mối liên hệ mà có sự vận động, mà vận động lại là phương thức tồn tại của vật chất, là một tất yếu khách quan, do đó mối liên hệ cũng là một tất yếu khách quan.

Mối liên hệ tồn tại trong tất cả mọi sự vật, hiện tượng ở tất cả lĩnh vực tự nhiên, xã hội và tư duy.

Mối liên hệ phổ biến là hiện thực, là cái vốn có của mọi sự vật, hiện tượng, nó thể hiện tính thống nhất vật chất của thế giới.

– Do mối liên hệ là phổ biến, nên nó có tính đa dạng: Các sự vật; hiện tượng trong thế giới vật chất là đa dạng nên mối liên hệ giữa chúng cũng đa dạng, vì thế, khi nghiên cứu các sự vật, hiện tượng cần phải phân loại mối liên hệ một cách cụ thể.

Căn cứ vào tính chất, phạm vi, trình độ, có thể có những loại mối liên hệ sau: chung và riêng, cơ bản và không cơ bản, bên trong và bên ngoài, chủ yếu và thứ yếu, không gian và thời gian, v.v.. Sự phân loại này là tương đối, vì mối liên hệ chỉ là một bộ phận, một mặt trong toàn bộ mối liên hệ phổ biến nói chung.

– Phép biện chứng duy vật nghiên cứu những mối liên hệ chung nhất và phổ biến nhất của thế giới khách quan. Còn những hình thức cụ thể của mối liên hệ là đối tượng nghiên cứu của các ngành khoa học cụ thể.

### **\*Ý nghĩa phương pháp luận.**

– Vì các mối liên hệ là sự tác động qua lại, chuyển hoá, quy định lẫn nhau giữa các sự vật, hiện tượng và các mối liên hệ mang tính khách quan, mang tính phổ biến nên trong hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn con người phải tôn trọng quan điểm toàn diện, phải tránh cách xem xét phiến diện.

Quan điểm toàn diện đòi hỏi chúng ta nhận thức về sự vật trong mối liên hệ qua lại giữa các bộ phận, giữa các yếu tố, giữa các mặt của chính sự vật và trong sự tác động qua lại giữa sự vật đó với các sự vật khác, kể cả mối liên hệ trực tiếp và mối liên hệ gián tiếp. Chỉ trên cơ sở đó mới có thể nhận thức đúng về sự vật.

Đồng thời, quan điểm toàn diện đòi hỏi chúng ta phải biết phân biệt từng mối liên hệ, phải biết chú ý tới mối liên hệ bên trong, mối liên hệ bản chất, mối liên hệ chủ yếu, mối liên hệ tất nhiên, và lưu ý đến sự chuyển hoá lẫn nhau giữa các

mối liên hệ để hiểu rõ bản chất của sự vật và có phương pháp tác động phù hợp nhằm đem lại hiệu quả cao nhất trong hoạt động của bản thân.

– Vì các mối liên hệ có tính đa dạng, phong phú – sự vật, hiện tượng khác nhau, không gian, thời gian khác nhau các mối liên hệ biểu hiện khác nhau nên trong hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn con người phải tôn trọng quan điểm lịch sử – cụ thể.

## **II. Nguyên lý về sự phát triển**

### **\*Khái niệm phát triển**

– Phát triển là sự vận động tiến lên (từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp, từ kém hoàn thiện đến hoàn thiện hơn).

– Từ khái niệm trên cho thấy:

Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến và nguyên lý về sự phát triển có mối quan hệ biện chứng với nhau, vì nhờ có mối liên hệ thì sự vật mới có sự vận động và phát triển.

Cần phân biệt khái niệm vận động với khái niệm phát triển. Vận động là mọi biến đổi nói chung, con người phát triển là sự vận động có khuynh hướng và gắn liền với sự ra đời của cái mới hợp quy luật.

### **\*Nội dung và tính chất của sự phát triển**

– Phát triển là thuộc tính vốn có của mọi sự vật, hiện tượng, là khuynh hướng chung của thế giới.

– Sự phát triển có tính chất tiến lên, kế thừa liên tục.

– Sự phát triển thường diễn ra quanh co, phức tạp, phải trải qua những khâu trung gian, thậm chí có lúc, có sự thụt lùi tạm thời.

– Phát triển là sự thay đổi về chất của sự vật. Nguồn gốc của sự phát triển là do sự đấu tranh của các mặt đối lập trong bản thân sự vật.

### **\*Phân biệt quan điểm biện chứng và siêu hình về sự phát triển**

– Quan điểm biện chứng xem sự phát triển là một quá trình vận động tiến lên thông qua những bước nhảy vọt về chất. Nguồn gốc của sự phát triển là cuộc đấu tranh của các mặt đối lập ở trong sự vật.

– Quan điểm siêu hình nói chung là phủ định sự phát triển, vì họ thường tuyệt đối hoá mặt ổn định của sự vật, hiện tượng. Sau này, khi khoa học đã chứng minh cho quan điểm về sự phát triển của sự vật, buộc họ phải nói đến sự phát triển, song với họ phát triển chỉ là sự tăng hay giảm đơn thuần về lượng không có sự thay đổi về chất và nguồn gốc của nó ở bên ngoài sự vật, hiện tượng.

### **\*Ý nghĩa phương pháp luận**

– Nguyên lý về sự phát triển cho thấy trong hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn con người phải tôn trọng quan điểm phát triển.

– Quan điểm phát triển đòi hỏi khi nhận thức, khi giải quyết một vấn đề nào đó con người phải đặt chúng ở trạng thái động, nằm trong khuynh hướng chung là phát triển.

– Quan điểm phát triển đòi hỏi không chỉ nắm bắt những cái hiện đang tồn tại ở sự vật, mà còn phải thấy rõ khuynh hướng phát triển trong tương lai của chúng, phải thấy được những biến đổi đi lên cũng như những biến đổi có tính chất thụt lùi. Song điều cơ bản là phải khái quát những biến đổi để vạch ra khuynh hướng biến đổi chính của sự vật.

– Bạn đã nắm vững kiến thức: Điều kiện ra đời, tồn tại của sản xuất hàng hoá.

– Xem xét sự vật theo quan điểm phát triển còn phải biết phân chia quá trình phát triển của sự vật ấy thành những giai đoạn. Trên cơ sở ấy để tìm ra phương pháp nhận thức và cách tác động phù hợp nhằm thúc đẩy sự vật tiến triển nhanh hơn hoặc kìm hãm sự phát triển của nó, tùy theo sự phát triển đó có lợi hay có hại đối với đời sống của con người.

– Quan điểm phát triển góp phần khắc phục tư tưởng bảo thủ, trì trệ, định kiến trong hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn.

– Với tư cách là những nguyên tắc phương pháp luận, quan điểm toàn diện, quan điểm lịch sử – cụ thể, quan điểm phát triển góp phần định hướng, chỉ đạo hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn cải tạo hiện thực, cải tạo chính bản thân con người. Song để thực hiện được chúng, mỗi người cần nắm chắc cơ sở lý luận của chúng – nguyên lý về mối liên hệ phổ biến và nguyên lý về sự phát triển, biết vận dụng chúng một cách sáng tạo trong hoạt động của mình.

### **3. Vật chất và ý thức**

#### **VẬT CHẤT**

\* **Định nghĩa vật chất của Lê-nin:** Vật chất là một phạm trù triết học dùng để chỉ thực tại khách quan được đem lại cho con người trong cảm giác, được cảm giác của chúng ta chép lại, chụp lại, phản ánh và tồn tại không lệ thuộc vào cảm giác

\* **Phương thức và hình thức tồn tại của vật chất:**

- Phương thức của VC:

+ Vận động là phương thức tồn tại của VC, là một thuộc tính cố hữu của VC

- + Vật chất vận động do cấu trúc, nhu cầu của sự vật hiện tượng
- + Vận động là sự biến đổi nói chung
- + Đối lập với trạng thái vận động là đứng im. Đứng im là hình thức vận động đặc biệt, đứng im là tương đối, vận động là tuyệt đối
- + Các hình thức của vận động:

VĐ cơ học: sự di chuyển vị trí của sự vật trong không gian

VĐ vật lý: sự vận động của các phân tử, điện tử, các hạt cơ bản, của các quá trình nhiệt, điện,...

VĐ hóa học: sự phân giải và hóa hợp của các chất

VĐ sinh vật: sự biến đổi gen, trao đổi chất giữa cơ thể sinh vật với môi trường

VĐ xã hội: sự biến đổi trong các lĩnh vực của xã hội, sự thay thế nhau các hình thái kinh tế - xã hội

Mỗi hình thức vận động cơ bản trên khác nhau về chất, nhưng giữa chúng lại có mối quan hệ hữu cơ với nhau, trong đó hình thức vận động cao xuất hiện trên cơ sở của hình thức vận động thấp hơn và bao hàm trong nó những hình thức vận động thấp hơn và các hình thức vận động có thể chuyển hóa cho nhau.

- Hình thức tồn tại vật chất: Không gian và thời gian

+ Không gian: Hình thức tồn tại của VC xét về mặt quảng tính (chiều cao, rộng, dài), sự cùng tồn tại, trật tự (trước hay sau, trên hay dưới, phải hay trái) và sự tác

động lẫn nhau

+ Thời gian: xét về mặt độ dài diễn biến, sự kế tiếp nhau của các quá trình vật chất (lâu, mau, nhanh, chậm)

KG và TG có tính khách quan, vĩnh cửu và vô tận. Không gian có tính 3 chiều, thời gian có tính 1 chiều

**\* Tính thống nhất VC của thế giới:**

- Chỉ có 1 TG duy nhất là TG VC, thế giới VC tồn tại khách quan

- TGVC tồn tại vĩnh viễn, vô hạn và vô tận, không được sinh ra và không bị mất

đi

- Tính thống nhất VC của TG gắn liền với tính đa dạng của nó

**\* Ý nghĩa pp luận của những vấn đề trên:**

- Định nghĩa VC của Lê nin có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển chủ nghĩa duy vật và nhận thức khoa học:

+ Khẳng định bản chất của thế giới là vật chất, vật chất có trước, ý thức có sau , VC quyết định ý thức, ý thức chỉ là sự phản ánh, chỉ là sản phẩm của VC đồng thời định nghĩa cũng khẳng định con người có khả năng nhận thức được thế giới,

có khả năng chụp lại, chép lại, phản ánh thế giới VC

+ Bác bỏ quan điểm xuyên tạc của chủ nghĩa duy tâm về chủ nghĩa duy vật và khẳng định bản chất của CN duy vật vẫn tiếp tục phát triển.

+ Mở đường cho các nhà KH tự nhiên trong việc tìm ra các hình thức mới của vật chất để chứng minh cho sự phong phú của cấu trúc vật chất.

- Cung cấp TG quan, pp luận cho hoạt động nhận thức và hoạt động cải tạo thực tiễn

**Ý THỨC**

**\* Nguồn gốc tự nhiên của Ý thức**

- Nguồn gốc TN của ý thức là bộ não con người và thế giới khách quan vào trong

bộ não con người

- Cấu tạo và chức năng của bộ não người: Bộ não người có cấu tạo tinh vi, phức tạp, có liên hệ với các cơ quan cảm giác, thu nhận và xử lý các tác động từ thế giới

bên ngoài thông qua các phản xạ

- Sự tác động của thế giới khách quan lên bộ não con người chính là sự phản ánh.

Phản ánh là sự ghi lại, tái tạo lại đặc điểm của hệ thống VC này lên hệ thống VC khác trong quá trình tác động qua lại của chúng

- Các hình thức phản ánh của ý thức:

- + Phản ánh vật lý, hóa học
- + Phản ánh sinh học
- + Phản ánh tâm lý
- + Phản ánh ý thức (hình thức phản ánh cao nhất, chỉ có ở con người)

**\* Nguồn gốc xã hội:**

- Lao động:

+ Lao động giúp giải phóng 2 chi trước của con người để thực hiện những động tác tinh vi hơn, mặt khác cũng giúp con người có khả năng tạo ra công cụ lao động

và sử dụng công cụ ấy phục vụ mục đích sống của con người

+ Việc sử dụng công cụ trong LĐ giúp con người ngày càng tìm được nhiều nguồn thức ăn hơn và có nhiều chất dinh dưỡng hơn. Mặt khác, con người đã tìm

ra lửa nấu chín thức ăn khiến cơ thể dễ hấp thu hơn. Điều đó đã giúp bộ não con người ngày càng phát triển, hoàn thiện về mặt sinh học

+ Thông qua LĐ, con người ngày càng tương tác nhiều hơn với thế giới khách quan, làm biến đổi TG đó và ngược lại làm biến đổi chính bản thân mình, ngày càng làm sâu sắc và phong phú thêm ý thức của mình

+ LĐ ngay từ đầu đã mang tính XH, từ đó nảy sinh nhu cầu hình thành ngôn ngữ

- Ngôn ngữ:

+ Ngôn ngữ 1 mặt là kết quả của LĐ, mặt khác lại là nhân tố tích cực tác động đến quá trình lao động và phát triển ý thức của con người

+ Ngôn ngữ giúp con người phản ánh khái quát những đặc tính, những thuộc tính

của sự vật, hiện tượng trong thế giới

+ Ngôn ngữ là hệ thống tín hiệu VC mang nội dung ý thức, là công cụ thể hiện ý

thức, tư tưởng và tạo điều kiện để phát triển ý thức

+ Ngôn ngữ giúp con người trao đổi kinh nghiệm hoạt động sống



### **\*Bản chất ý thức:**

- Ý thức là sự phản ánh năng động, sáng tạo TG khách quan vào trong bộ óc con người. Là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan
- Ý thức có thể tạo ra tri thức mới về sự vật, tưởng tượng ra cái không có thật, tiên đoán, dự báo tương lai
- Ý thức phản ánh hiện thực khách quan vào bộ óc con người trong quá trình cải tạo TG. Quá trình đó được thống nhất bởi 3 mặt sau:
  - + Sự trao đổi thông tin giữa chủ thể và đối tượng phản ánh
  - + Mô hình hóa đối tượng trong tư duy dưới dạng hình ảnh tinh thần
  - + Chuyển mô hình ra hiện thực khách quan
- Ý thức là sự phản ánh và chính thực tiễn con người đã tạo ra sự phản ánh phức tạp, năng động, sáng tạo của bộ óc
- Ý thức bắt nguồn từ thực tiễn, lịch sử xã hội và phản ánh các quan hệ xã hội khách quan

### **4. Quy luật lượng chất, quy luật phủ định**

#### **QUY LUẬT PHỦ ĐỊNH**

##### **\* Khái niệm:**

- Phủ định là sự thay thế SV-HT này bằng SV-HT khác trong quá trình vận động và phát triển của sự vật
- Phủ định BC: là phạm trù triết học chỉ sự tự thân phủ định, tự thân phát triển, là mắt khâu trên con đường dẫn tới sự ra đời của cái mới, tiến bộ hơn so với cái bị phủ định

##### **\* Phủ định của phủ định:**

- Dùng để chỉ SV-HT qua 2 lần phủ định dường như quay lại cái ban đầu nhưng trên cơ sở cao hơn

##### **\* Tính chất và đặc trưng của PĐBC:**

- PĐBC bản chất là sự thay thế SV-HT cũ bằng SV-HT mới, SV mới ra đời là tiền đề cho sự phát triển

- Đặc trưng của PĐBC:

+ Mang tính khách quan: quá trình giải quyết mâu thuẫn trong chính bản thân sự

vật và hiện tượng

+ Mang tính kế thừa: kế thừa những điểm tốt đẹp của cái cũ, xóa bỏ những điều không hợp lý của cái cũ

- Quá trình phủ định của phủ định:

+ Phủ định lần thứ nhất làm cho sự vật cũ trở thành cái đối lập với mình, sau những lần phủ định tiếp theo, sự vật dường như quay lại cái ban đầu nhưng cao hơn

+ Sự phủ định của phủ định là kết thúc 1 chu kỳ phát triển, đồng thời mở ra 1 chu

kỳ phát triển tiếp theo, đó là tính chu kỳ của sự phát triển

- Tính chu kỳ, quá trình phát triển theo hình xoáy ốc, đó là tính chất PĐ của PĐ

- Chỉ ra khuynh hướng của sự vận động phát triển của SV, nêu lên mối liên hệ sự

kế thừa cái cũ và cái mới. Trên cơ sở đó, PĐBC là điều kiện cho sự phát triển

- Phát triển của Sv không phải diễn ra theo đường thẳng mà theo đường xoáy ốc đi lên, ít nhất qua 2 lần PĐBC, SV quay lại điểm xuất phát ban đầu, nhưng cao hơn

**\*Ý nghĩa:**

- Trong thực tế, phải kiên trì phủ định cái cũ

- Vì phủ định bao hàm kế thừa,cta phải hạn chế tiêu cực

- Tin tưởng vào sự tất thắng của cái mới

## **QUY LUẬT LƯỢNG CHẤT**

### **Khái niệm**

-Quy luật lượng chất là quy luật chuyển hóa từ những sự thay đổi về lượng thành những sự thay đổi về chất và ngược lại, đây là một trong ba quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật trong triết học Mac – Lênin.

-Theo quan điểm của triết học Mac – Lênin thì mọi sự vật, hiện tượng trên trái đất đều tồn tại hai vật là mặt chất và mặt lượng, trong đó:

+Chất là một phạm trù của triết học, dùng để xác định tính quy luật khách quan vốn có của sự vật, hiện tượng. Hiểu một cách đơn giản thì đó là sự thống nhất hữu cơ của những thuộc tính, những yếu tố cấu thành lên sự vật, hiện tượng.

VD: Nước không màu không mùi không vị; Con người được phân biệt với con vật ở tính có ý thức.

+Lượng cũng vậy, nó cũng được xác định là một phạm trù của triết học dùng để xác định tính quy định vốn có của sự vật về mặt số lượng, quy mô cũng như là trình độ của sự vận động và phát triển cũng như các thuộc tính khác của sự vật khác.

VD: Lớp A có 50 sinh viên, trên xe bus có 20 người..

-**Ví dụ** :sự thay đổi về lượng dẫn đến sự thay đổi về chất: Quá trình học tập học sinh là quá trình dài, khó khăn, cần sự cố gắng không biết mệt mỏi, không ngừng nghỉ của bản thân mỗi học sinh.

### **\*Nội dung**

-Đặc trưng của lượng sẽ được biểu thị bằng con số hoặc các đại lượng chỉ kích thước dài hoặc ngắn, quy mô, tổng số hay trình độ. Nhưng đối với các trường hợp phức tạp thì không thể chỉ diễn tả bằng những con số đòi hỏi sự chính xác cao mà còn phải được nhận thức bằng khả năng trừu tượng hóa.

-Chất chính là chỉ tính quy định khách quan vốn có của sự vật, được coi là sự thống nhất hữu cơ của những thuộc tính làm cho sự vật là nó chứ không phải những sự vật khác.

-Từ đó có thể thấy chất và thuộc tính không thể đồng nhất với nhau. Bởi mỗi sự vật, hiện tượng đều chứa đựng rất nhiều thuộc tính, nhưng những thuộc tính này không thể cùng tham gia vào việc quy định chất như nhau, mà chỉ có những thuộc tính cơ bản nhất mới có thể quyết định được bản chất của sự vật.

-Do đó, chỉ khi nào những thuộc tính cơ bản thay đổi thì chất của sự vật mới thay đổi theo, đồng nghĩa với việc khi các thuộc tính không cơ bản dù có thay đổi hay không thì cũng không làm biến đổi bản chất của sự vật.

-Tuy nhiên các thuộc tính cũng như chất của sự vật sẽ luôn có mối quan hệ cụ thể với nhau, vì vậy việc phân biệt này chỉ mang tính tương đối.

### **\*Ý nghĩa phương pháp luận**

1) sự phát triển của sự vật, hiện tượng bao giờ cũng diễn ra bằng cách tích lũy dần về lượng. Vì vậy, phải biết từng bước tích lũy về lượng để làm biến đổi về chất. VD: XHPK – XHCN – CSVN

2) quy luật xã hội diễn ra thông qua các hoạt động có ý thức của con người. Vì vậy, khi đã tích lũy đầy đủ về lượng phải tiến hành bước nhảy, kịp thời chuyển

những thay đổi về lượng thành những thay đổi về chất; chuyển những thay đổi mang tính tiến hoá sang bước thay đổi mang tính cách mạng. Chỉ có như vậy chúng ta mới khắc phục được tư tưởng bảo thủ, trì trệ, hữu khuynh thường được biểu hiện ở chỗ coi sự phát triển chỉ là thay đổi đơn thuần về lượng. VD: tình bạn – tình yêu – hôn nhân.

3) sự thay đổi về chất còn phụ thuộc vào phương thức liên kết giữa các yếu tố tạo thành sự vật, hiện tượng. Vì vậy, trong hoạt động của mình, phải biết tác động vào cấu trúc và phương thức liên kết trên cơ sở hiểu rõ bản chất, quy luật các yếu tố tạo thành sự vật, hiện tượng đó. VD: muốn duy trì nước ở thể lỏng phải để nước trong giới hạn  $0 < t < 100^{\circ}\text{C}$

## **5. Cặp phạm trù chung riêng, nguyên nhân –kết quả**

### **CÁI CHUNG-CÁI RIÊNG**

#### **\*Các Khái Niệm:**

-Cái riêng: là 1 phạm trù triết học dùng để chỉ 1 sự vật, hiện tượng hay 1 quá trình riêng lẻ nhất định.

VD: Người dân Việt Nam đều sử dụng tiếng nói và chữ viết tiếng Việt.

-Cái chung: là 1 phạm trù triết học dùng để chỉ những mặt, những thuộc tính chung không những có ở 1 kết cấu vật chất nhất định mà còn được lặp lại trong nhiều sự vật hiện tượng riêng lẻ khác.

VD: Mỗi vùng khác nhau ở Việt Nam có một cách nói, cách phát âm khác nhau hay cách gọi tên các sự vật hiện tượng khác nhau. Miền Bắc – bố, miền Trung – tía, miền Nam – ba.

-Cái đơn nhất: là 1 phạm trù dùng để chỉ những nét những mặt, nhưng thuộc tính, chỉ tồn tại ở 1 sự vật hiện tượng nào đó mà không lặp lại ở các sự v VD: Chỉ có Hà Nội có Hồ Gươm. ật hiện tượng khác.

#### **\*Mối quan hệ biện chứng giữa cái riêng và cái chung:**

Chủ nghĩa duy vật biện chứng cho rằng tất cả cái riêng, cái chung, cái đơn nhất đều tồn tại khách quan và có mối quan hệ hữu cơ với nhau. Mối quan hệ đó được thể hiện qua những đặc điểm sau:

1, Cái chung chỉ tồn tại trong cái riêng, thông qua cái riêng mà biểu hiện sự tồn tại của mình, không có cái chung thuần túy tồn tại bên ngoài cái riêng.

VD: Thuộc tính cơ bản của vật chất là vận động. Vận động lại tồn tại dưới các hình thức riêng biệt như vận động vật lý, vận động hoá học, vận động xã hội v.v..

2, Cái riêng chỉ tồn tại quan hệ với cái chung, không có cái riêng nào tồn tại độc lập, tách rời tuyệt đối cái chung.

VD: Các chế độ kinh tế – chính trị riêng biệt đều bị chi phối với các quy luật chung của xã hội như quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với lực lượng sản xuất.

3, Cái riêng là cái toàn bộ, phong phú hơn cái chung, vì ngoài những điểm chung, cái riêng còn có cái đơn.

VD: Người nông dân Việt Nam ngoài đặc điểm chung giống với những người nông dân trên thế giới là tư hữu nhỏ, sản xuất lẻ tẻ, sống ở nông thôn, còn có những đặc điểm riêng là chịu ảnh hưởng của làng xã, có tập quán lâu đời, mỗi vùng miền lại có những đặc điểm khác nhau. Cái chung sâu sắc hơn vì dù ở đâu, nông dân Việt Nam cũng đều cần cù lao động, chịu thương chịu khó.

4, Cái chung sâu sắc hơn cái riêng, vì cái chung phản ánh thuộc tính, những mối liên hệ ổn định, tất nhiên lặp lại ở nhiều cái riêng cùng loại.

Do vậy, cái chung là cái gắn liền với bản chất quyết định phương hướng tồn tại và phát triển cái riêng.

5, Cái đơn và cái chung có thể chuyển hóa lẫn nhau trong quá trình phát triển của sự vật:

+ Sự chuyển hóa từ cái đơn thành cái chung là biểu hiện quá trình cái mới ra đời thay thế cái cũ.

+ Sự chuyển hóa từ cái chung thành cái đơn là biểu hiện của quá trình cái cũ, cái lỗi thời bị phủ định.

VD: Một sáng kiến của một anh hùng lúc đầu là cái đơn nhất được nhiều người học tập trở thành cái phổ biến; Khoán sản phẩm tới người lao động lúc đầu chỉ ở một vài tỉnh sau trở thành cái phổ biến; Vận động cơ chế thị trường ở Việt Nam lúc đầu mới là tư tưởng chỉ đạo thực hiện ở một số ngành kinh tế - sau trở thành chung.

## **NGUYÊN NHÂN – KẾT QUẢ**

### **\*Khái niệm:**

- Nguyên nhân: phạm trù chỉ là sự tác động lẫn nhau giữa các mặt trong 1

sự vật hoặc giữa các sự vật với nhau gây ra 1 biến đổi nhất định nào đó.

-Kết quả: là những biến đổi do tác động lẫn nhau giữa các mặt trong 1 sự vật hoặc giữa các sự vật với nhau gây ra.

VD: không học bài là nguyên nhân dẫn đến kết quả là điểm kém.

**\*Phân biệt nguyên nhân với nguyên cơ, điều kiện, kết quả với hậu quả:**

-Nguyên cơ: là những sự vật hiện tượng xuất hiện đồng thời với nguyên nhân nhưng nó chỉ là quan hệ bên ngoài, ngẫu nhiên chứ không sinh ra kết quả.

VD: “Sự kiện Vinh Bắc Bộ”, vào tháng 8/1964, từ đó Mỹ ném bom miền Bắc là nguyên cơ, còn nguyên nhân thực sự là do bản chất xâm lược của đế quốc Mỹ.

-Điều kiện: là những sự vật gắn liền với nguyên nhân, tác động vào nguyên nhân, làm cho nguyên nhân phát huy tác dụng. Điều kiện không trực tiếp sinh ra kết quả.

VD: Nhiệt độ, áp suất, chất xúc tác là những điều kiện không thể thiếu của một số phản ứng hoá học.

-Cả kết quả và hậu quả là do nguyên nhân sinh ra nhưng những gì có lợi cho con người gọi là kết quả, những gì có hại cho con người gọi là hậu quả.

**\*Tính chất của mối quan hệ nhân quả:**

-Tính khách quan: mối liên hệ nhân quả là cái vốn có của bản thân sự vật, không tồn tại ý thức con người.

-Tính phổ biến: với mọi sự vật hiện tượng trong tự nhiên và xã hội đều có nguyên nhân nhất định gây ra, dù nguyên nhân đó đã được nhận thức hay chưa.

-Tính tất yếu: với 1 nguyên nhân nhất định, trong những điều kiện nhất định sẽ gây ra kết quả tương ứng với nó.

**\*Mối quan hệ biện chứng**

Nguyên nhân sinh ra kết quả, vì vậy nguyên nhân bao giờ cũng có trước kết quả. Còn kết quả bao giờ cũng xuất hiện sau nguyên nhân. Chỉ những mối liên hệ trước sau về mặt thời gian có quan hệ sản sinh mới là mối liên hệ nhân quả.

VD: + Không có lửa làm sao có khói.

+ Cuộc đấu tranh giai cấp vô sản mâu thuẫn giai cấp tư sản (là nguyên nhân bao giờ cũng có trước để dẫn đến cuộc cách mạng vô sản với tính chất là kết quả bao giờ cũng xuất hiện sau)

+ Sự biến đổi của mầm mống trong hạt lúa bao giờ cũng phải xuất hiện trước còn cây lúa là kết quả nó xuất hiện sau.

+ Bão (nguyên nhân) xuất hiện trước, sự thiệt hại của hoa màu, mùa màng do bão gây ra thì phải xuất hiện sau.

+ Người bị ô tô chèn chết đây là kết quả xấu nhất nguyên nhân của nó là do việc thực hiện luật lệ giao thông không đúng (không nghiêm chỉnh thực hiện luật lệ giao thông).

Trong hiện thực, mối liên hệ nhân quả biểu hiện rất phức tạp: một kết quả có thể do nhiều nguyên nhân và một số nguyên nhân có thể sinh ra nhiều kết quả.

– Nếu các nguyên nhân tác động cùng chiều thì có xu hướng dẫn đến kết quả nhanh hơn.

– Nếu các nguyên nhân tác động ngược chiều thì làm cho tiến trình hình thành kết quả chậm hơn, thậm chí triệt tiêu tác dụng của nhau.

VD: + Công cuộc cách mạng của chúng ta thắng lợi, giải phóng miền nam thống nhất đất nước nó là kết quả của nhiều nguyên nhân: dân tộc ta “thà quyết hy sinh tất cả chứ không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ” và được sự ủng hộ của các nước, các dân tộc xã hội chủ nghĩa và các nước, các dân tộc yêu chuộng hòa bình trên toàn thế giới.

+ Thầy giáo truyền đạt kiến thức cho học sinh (một nguyên nhân) là nguyên nhân dẫn đến nhiều kết quả học tập đạt được của họ. Cùng một nguyên nhân như vậy nhưng lại dẫn đến nhiều kết quả khác nhau đối với từng học sinh: học sinh đạt kết quả học tập giỏi, khá, trung bình, yếu kém.

+ Đốt lửa vào ngọn đèn dầu (Nguyên nhân) sinh ra kết quả: thứ nhất: có ánh sáng để cho mọi người học tập và làm việc, thứ hai: Bắc ngán, dầu cạn đi, thứ ba: làm tăng nhiệt độ môi trường.

Giữa nguyên nhân và kết quả có tính tương đối, có sự chuyển hoá, tác động qua lại tạo thành chuỗi liên hệ nhân – quả vô cùng vô tận.

VD: Sự phát triển của vật chất là nguyên nhân sinh ra tinh thần, nhưng tinh thần lại trở thành nguyên nhân làm biến đổi vật chất.

Con gà – quả trứng – con gà - ...

**\*Ý nghĩa của phương pháp luận:**

- Trong hoạt động nhận thức và thực tiễn, phải bắt đầu từ việc đi tìm những nguyên nhân xuất hiện sự vật hiện tượng.
- Cần phải phân loại các nguyên nhân để có biện pháp giải quyết đúng đắn.
- Phải tận dụng các kết quả đã đạt được để tạo điều kiện thúc đẩy nguyên nhân phát huy tác dụng, nhằm mục tính đã đề ra.

**Ví dụ :** hiện tượng hàng loạt công nhân bị ngộ độc thực phẩm ngày càng gia tăng và diễn biến phức tạp. Vậy nguyên nhân do đâu mà dẫn đến hiện tượng hàng loạt công nhân bị ngộ độc thực phẩm ở các nhà máy, xí nghiệp lớn? Nguyên nhân ban đầu được các cơ quan điều tra xác định là do đồ ăn hoặc đồ uống mà công nhân ăn phải tại nhà máy, xí nghiệp – nơi mà họ làm việc. Qua nhiều vụ việc diễn ra có thể xác định được nguyên nhân chủ yếu của hiện tượng này là do đồ ăn, nước uống không hợp vệ sinh; bếp ăn không đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Thức ăn chưa được nấu chín kỹ, biến chất, có mùi ôi thiu, ươn và bốc mùi hoặc nhiễm vi sinh vật (vi khuẩn, ký sinh trùng), các loại rau sống, gỏi chưa được rửa sạch, nước uống thì bị nhiễm khuẩn hoặc bị ô nhiễm hóa học (kim loại nặng, độc tố vi nấm...) kết quả mọi người phải nhập viện hàng loạt vì ngộ độc.

## **6. Thực tiễn và vai trò của thực tiễn**

**\*Khái niệm:** thực tiễn là toàn bộ hoạt động vật chất có mục đích, mang tính lịch sử, xã hội của con người nhằm cải biến tự nhiên và xã hội.

**\*Tính chất của hoạt động thực tiễn:**

- Là hoạt động có tính cộng đồng xã hội.
- Là hoạt động có tính lịch sử cụ thể.
- Là hoạt động có tính sáng tạo, có mục đích cải tạo tự nhiên, hoàn thiện con người.

**\*3 hình thức cơ bản của thực tiễn:**



-Hoạt động sản xuất vật chất: quá trình của con người sử dụng công cụ lao động tác động vào tự nhiên, tạo ra của cải vật chất cho xã hội ( ví dụ: dùng cuốc đi cuốc đất trồng cây vải, trồng mít,...)

-Hoạt động chính trị- xã hội: là hoạt động của các cộng đồng người, các tổ chức khác nhau trong xã hội nhằm cải biến những quan hệ chính trị- xã hội để thúc đẩy xã hội phát triển. ( ví dụ: đoàn thanh niên, hội sinh viên)

-Hoạt động thực nghiệm: khoa học là một hình thức đặc biệt của thực tiễn, được tiến hành trong những điều kiện do con người tạo ra, gần giống, giống hoặc lặp lại những trạng thái của tự nhiên và xã hội nhằm xác định những quy luật biến đổi, phát triển của đối tượng nghiên cứu. Dạng hoạt động này có vai trò trong sự phát triển của xã hội, đặc biệt là trong thời kỳ cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại.

**\*Vai trò của thực tiễn đối với nhận thức:**

**a, Thực tiễn là cơ sở, động lực của nhận thức:**

-Đối tượng nhận thức là thế giới khách quan, nhưng nó không tự bộc lộ các thuộc tính, nó chỉ hoạt động khi con người tác động vào bằng hoạt động thực tiễn, tức là thực tiễn phải là điểm xuất phát, cơ sở trực tiếp hình thành nên quá trình nhận thức.

-Thế giới khách quan luôn vận động, để nhận thức kịp tiến trình vận động của nó, con người bắt buộc phải thông qua hoạt động thực tiễn.

**b, Thực tiễn là mục đích của nhận thức:**

Những tri thức con người đạt được trong quá trình nhận thức phải áp dụng vào hiện thực và cải tạo hiện thực, sự áp dụng đó thông qua thực tiễn. Đó là sự vật chất hóa những quy luật, tính tất yếu đã nhận thức được. Do đó, thực tiễn là mục đích chung của các ngành khoa học.

**c, Thực tiễn là tiêu chuẩn kiểm tra những chân lý, tức là kiểm tra đúng sai của các tri thức mới:**

Những tri thức mới, thông qua nhận thức con người có được, để kiểm tra

tính đúng đắn của nó, phải dựa vào thực tiễn. Thực tiễn chính là thước đo giá trị những tri thức mới đó, đồng thời thực tiễn bổ sung, điều chỉnh, sửa chữa, phát triển và hoàn thiện nhận thức.

## **7. Sản xuất vật chất và vai trò**

### **\*Khái niệm :**

Sản xuất vật chất là hoạt động khi con người sử dụng công cụ lao động tác động (trực tiếp hay gián tiếp) vào đối tượng lao động nhằm cải biến các dạng vật chất của tự nhiên, tạo ra của cải cần thiết mà các dạng vật chất trong tự nhiên không có để thỏa mãn nhu cầu tồn tại và phát triển. Sản xuất vật chất có tính khách quan, tính xã hội, tính lịch sử và tính sáng tạo. Bất kỳ một quá trình sản xuất nào cũng được tạo nên từ ba yếu tố cơ bản là sức lao động của người lao động, tư liệu lao động và đối tượng lao động.

### **\*Vai Trò:**

Sản xuất vật chất luôn giữ vai trò quy định sự tồn tại, phát triển của con người và xã hội loài người; là hoạt động nền tảng làm phát sinh, phát triển những mối quan hệ xã hội; là cơ sở của sự hình thành, biến đổi và phát triển của xã hội loài người

**a) Mọi thành viên trong xã hội đều tiêu dùng (ăn, uống, ở, mặc v.v).** Những thứ có sẵn trong tự nhiên không thể thỏa mãn mọi nhu cầu của con người, nên nó phải sản xuất ra của cải vật chất. Sản xuất vật chất là yêu cầu khách quan cơ bản; là một hành động lịch sử mà hiện nay cũng như hàng ngàn năm trước đây con người vẫn phải tiến hành. Cùng với việc cải biến giới tự nhiên, con người cũng cải biến chính bản thân mình và cải biến cả các mối quan hệ giữa con người với nhau và chính việc cải biến đó làm cho việc chinh phục giới tự nhiên đạt hiệu quả cao hơn.

**b) Xã hội loài người tồn tại và phát triển được trước hết là nhờ sản xuất vật chất.** Lịch sử xã hội loài người, do vậy và trước hết là lịch sử phát triển của sản xuất vật chất.

**c) Sản xuất vật chất là cơ sở để hình thành nên các mối quan hệ xã hội khác:** Xã hội loài người là một tổ chức vật chất và giữa các yếu tố cấu thành nó cũng có những kiểu quan hệ nhất định. Các quan hệ xã hội về nhà nước, chính trị, pháp quyền, đạo đức, nghệ thuật, khoa học v.v (cái thứ hai) đều được hình thành và phát triển trên cơ sở sản xuất vật chất (cái thứ nhất) nhất định. Trong quá trình đó, con người đồng thời cũng sản xuất ra và tái sản xuất ra những quan hệ xã hội của mình.

**d) Sản xuất vật chất là cơ sở của sự tiến bộ xã hội :** Sản xuất vật chất không ngừng được các thế hệ người phát triển từ thấp đến cao. Mỗi khi phương thức

sản xuất thay đổi, quan hệ giữa người với người trong sản xuất cũng thay đổi; và do vậy, mọi mặt của đời sống xã hội đều có sự thay đổi theo sự tiến bộ của phương thức sản xuất.

## **8. Nguồn gốc bản chất nhà nước**

### **\*Khái niệm**

Nhà nước là một tổ chức đặc biệt của quyền lực chính trị, một bộ máy chuyên làm nhiệm vụ cưỡng chế và thực hiện các chức năng quản lý đặc biệt nhằm duy trì trật tự xã hội với mục đích bảo vệ địa vị của giai cấp thống trị trong xã hội.

### **\*Nguồn gốc nhà nước:**

Theo các quan điểm khác nhau thì nguồn gốc nhà nước được hình thành từ các yếu tố khác nhau, nguồn gốc nhà nước được thể hiện thông qua hai quan điểm lớn như sau:

#### **-Các quan điểm phi Mác- xít về nguồn gốc nhà nước điển hình:**

+ Theo học thuyết thần quyền thì nhà nước ra đời do sự sắp xếp của thượng đế, thượng đế là người đã tạo ra nhà nước nhằm bảo vệ trật tự xã hội, duy trì sự phát triển của nhân loại.

Theo học thuyết gia trưởng nhà nước được ra đời từ mô hình của một gia đình, gia tộc mở rộng về mặt quyền lực.

+ Theo học thuyết bạo lực thì nhà nước được ra đời từ các cuộc chiến tranh, tranh giành lãnh thổ của các thị tộc, và thị tộc chiến thắng sẽ tạo nên một cơ quan là nhà nước để cai trị nô lệ.

+ Theo học thuyết khế ước xã hội thì nhà nước ra đời do việc những người cùng nhau ký kết tạo nên một thỏa thuận hay khế ước, để tất cả cùng hoạt động sinh sống trong khuôn khổ đó.

#### **- Quan điểm Mác – Lê nin về nguồn gốc nhà nước:**

+ Theo quan điểm này nhà nước không xuất hiện hay ra đời từ những yếu tố siêu nhiên, mà nhà nước ra đời khi xã hội đã phát triển đến một cột mốc nhất định. Nhà nước ra đời gắn liền với sự xuất hiện của các giai cấp trong xã hội, các giai cấp này có sự đối kháng với nhau.

+ Nhà nước thực hiện nhiệm vụ điều tiết xã hội, thực hiện và bảo vệ các lợi ích chung trong toàn xã hội.

### **\*Bản chất nhà nước**

Nhà nước là một hiện tượng phức tạp và đa dạng, nó vừa mang bản chất giai cấp, vừa mang bản chất xã hội.

#### **a) Bản chất giai cấp của nhà nước:**

Nhà nước chỉ sinh ra và tồn tại trong xã hội có giai cấp, và bao giờ cũng thể hiện bản chất giai cấp sâu sắc, thể hiện ở chỗ nhà nước là một bộ máy cưỡng chế đặc biệt, là công cụ sắc bén nhất để thực hiện sự thống trị giai cấp, thiết lập và duy trì trật tự xã hội.

### **b) Bản chất xã hội của nhà nước:**

Thể hiện qua vai trò quản lý xã hội của Nhà nước, Nhà nước phải giải quyết tất cả các vấn đề nảy sinh trong xã hội, bảo vệ lợi ích chung của toàn xã hội, phục vụ những nhu cầu mang tính chất công cho xã hội như: xây dựng trường học, bệnh viện, đường xá, giải quyết các tệ nạn xã hội.

## **9. Quan hệ biện chứng giữa LLSX&QHSX**

### **\*Khái niệm:**

- Lực lượng sản xuất là năng lực thực tiễn cải biến giới tự nhiên của con người nhằm đáp ứng nhu cầu đời sống của mình.
- Quan hệ sản xuất là quan hệ giữa người với người trong quá trình sản xuất (sản xuất và tái sản xuất xã hội).

### **\*Quan hệ biện chứng giữa LLSX&QHSX**

Lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất là hai mặt của phương thức sản xuất, chúng tồn tại không tách rời nhau, tác động qua lại lẫn nhau một cách biện chứng, tạo thành quy luật sự phù hợp của quan hệ sản xuất với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất – quy luật cơ bản nhất của sự vận động, phát triển xã hội.

Tác động của lực lượng sản xuất đến quan hệ sản xuất là:

- + Sự vận động, phát triển của lực lượng sản xuất quyết định và làm thay đổi quan hệ sản xuất cho phù hợp với nó. Khi một phương thức sản xuất mới ra đời, khi đó quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.
- + Sự phát triển của lực lượng sản xuất đến một trình độ nhất định làm cho quan hệ sản xuất từ chỗ phù hợp trở thành không phù hợp với sự phát triển của lực lượng sản xuất. Bên cạnh đó, quan hệ sản xuất lại tác động trở lại lực lượng sản xuất như sau:
- + Lực lượng sản xuất quyết định quan hệ sản xuất, nhưng quan hệ sản xuất cũng có tính độc lập tương đối và tác động trở lại sự phát triển của lực lượng sản xuất.
- + Quan hệ sản xuất quy định mục đích, cách thức của sản xuất, phân phối.

## **10. Biện chứng giữa Cơ sở hạ tầng & Kiến trúc thượng tầng**

Mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng với kiến trúc thượng tầng

## Cơ sở hạ tầng quyết định kiến trúc thượng tầng

Cơ sở hạ tầng sinh ra kiến trúc thượng tầng. Cơ sở hạ tầng của một xã hội nhất định như thế nào, tính chất của nó ra sao, giai cấp đại diện cho nó thế nào thì hệ thống tư tưởng chính trị, pháp quyền, đạo đức, triết học, v.v.. và các quan hệ; các thể chế tương ứng với những tư tưởng ấy cũng như vậy. VD: QHSX phong kiến sinh ra Nhà nước phong kiến.

Cơ sở hạ tầng quyết định sự biến đổi của kiến trúc thượng tầng. Sự biến đổi đó xảy ra trong mỗi hình thái kinh tế – xã hội. Trong xã hội có đối kháng giai cấp, sự biến đổi đó diễn ra thông qua cuộc đấu tranh giai cấp gay go, phức tạp. VD: chuyển từ QHSX PK sang QHSX TBCN đồng thời chuyển từ nhà nước PK sang nhà nước TBCN.

Cơ sở hạ tầng quyết định kiến trúc thượng tầng là quy luật phổ biến của mỗi hình thái kinh tế - xã hội. VD: thời nào cũng thế, PK – TBCN – XHCN.

Sự tác động trở lại của kiến trúc thượng tầng đối với cơ sở hạ tầng

Bảo vệ, duy trì, củng cố và phát triển cơ sở hạ tầng sinh ra nó; đấu tranh xoá bỏ cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng cũ.

Các bộ phận khác nhau của kiến trúc thượng tầng đều tác động đến cơ sở hạ tầng bằng nhiều hình thức khác nhau, trong đó nhà nước giữ vai trò đặc biệt quan trọng có tác động to lớn nhất và trực tiếp đối với cơ sở hạ tầng.

Trong mỗi hình thái kinh tế – xã hội, kiến trúc thượng tầng có những quá trình biến đổi nhất định. Quá trình đó càng phù hợp với cơ sở hạ tầng thì sự tác động của nó đối với cơ sở hạ tầng càng có hiệu quả và ngược lại.

Trong thời đại ngày nay, vai trò của kiến trúc thượng tầng tăng lên rõ rệt, càng thể hiện với tư cách là một yếu tố tác động mạnh mẽ đến tiến trình lịch sử. Song nếu quá nhấn mạnh hoặc thổi phồng vai trò của kiến trúc thượng tầng đến mức phủ định tính tất yếu kinh tế của xã hội, thì sẽ rơi vào chủ nghĩa duy tâm chủ quan, duy ý chí.

VD: Cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng trong thời kỳ quá độ ở nước ta

Cơ sở hạ tầng trong thời kỳ quá độ ở nước ta bao gồm các kiểu quan hệ sản xuất gắn liền với các hình thức sở hữu tương ứng với các thành phần kinh tế khác nhau, thậm chí đối lập nhau, cùng tồn tại trong một cơ cấu kinh tế thống nhất theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Về xây dựng kiến trúc thượng tầng xã hội chủ nghĩa ở nước ta là hệ thống chính trị xã hội mang tính chất giai cấp công nhân, do đội tiên phong của nó là Đảng cộng sản Việt Nam. Các tổ chức, bộ máy tạo thành hệ thống chính trị – xã hội không tồn tại như một mục đích tự thân mà vì phục vụ con người, thực hiện cho được lợi ích và quyền lực thuộc về nhân dân lao động.

## **11. Tồn tại xã hội & Ý thức xã hội**

Chủ nghĩa duy vật lịch sử, khi xác định tồn tại xã hội là một hình thức đặc biệt của vật chất, có xuất phát điểm từ "không phải ý thức của con người quy định sự tồn tại của họ, mà ngược lại, tồn tại xã hội của họ quy định ý thức của họ" và khẳng định "ý thức xã hội phản ánh tồn tại xã hội". Sự phản ánh đó là quá trình biện chứng phức tạp, là kết quả của mối liên hệ tích cực giữa con người với thực tiễn.

### **\*Tồn tại xã hội quy định ý thức xã hội**

1) Tồn tại xã hội là cái thứ nhất, ý thức xã hội là cái thứ hai. Tồn tại xã hội quy định nội dung, bản chất, xu hướng vận động của ý thức xã hội; ý thức xã hội phản ánh cái lôgic khách quan của tồn tại xã hội. Sự biến đổi của một thời đại nào đó sẽ không thể giải thích được nếu chỉ căn cứ vào ý thức của thời đại đó, mà phải giải thích ý thức ấy bằng những mâu thuẫn của đời sống vật chất, bằng sự xung đột hiện có giữa các lực lượng sản xuất xã hội và những quan hệ xã hội.

VD: Những người dân miền Tây sống quen với sông nước nên hình thành nền văn hóa sông nước và kinh tế phát triển dựa trên những lợi ích khai thác được từ sông nước.

### **Tồn tại xã hội thay đổi là điều kiện quyết định để ý thức xã hội thay đổi.**

Mỗi khi tồn tại xã hội, đặc biệt là phương thức sản xuất biến đổi thì những tư tưởng và lý luận xã hội cũng dần biến đổi theo. Chính vì vậy, ở những thời kỳ lịch sử khác nhau, nếu có những quan điểm, tư tưởng, học thuyết xã hội khác nhau về cùng một vấn đề thì đó là do những điều kiện khác nhau của đời sống vật chất của các thời kỳ lịch sử khác nhau quy định.

VD: Trong xã hội nguyên thủy, do trình độ của lực lượng sản xuất còn hết sức thấp kém, mọi người còn sống chung, làm chung, hưởng chung nên chưa có quan niệm tư hữu, chưa có ý thức bóc lột. Nhưng khi chế độ công xã nguyên thủy tan rã, chế độ tư hữu ra đời xã hội phân chia giàu nghèo, bóc lột và bị bóc lột thì ý thức con người cũng thay đổi căn bản: tư tưởng ăn bám, tư hữu, bóc lột, chủ nghĩa cá nhân...xuất hiện.

**Tồn tại xã hội quy định ý thức xã hội không gián đoạn, trực tiếp mà thường thông qua các khâu trung gian.** Không phải bất kỳ tư tưởng, quan niệm, lý luận, hình thái ý thức xã hội nào cũng phản ánh rõ ràng và trực tiếp những quan hệ kinh tế của thời đại, mà chỉ khi xét cho đến cùng mới thấy rõ những mối quan hệ kinh tế được phản ánh trong các tư tưởng ấy.

VD: Trong xã hội phong kiến, khi quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa ra đời và dần dần lớn mạnh thì cũng nảy sinh quan niệm cho rằng sự tồn tại của chế độ phong kiến là trái công lý, không phù hợp với lý tính con người phải được thay thế bằng xã hội công bằng, bình đẳng, bác ái. Ngay cả khi chủ nghĩa tư bản mới

ra đời, đã xuất hiện các trào lưu tư tưởng xã hội chủ nghĩa không tưởng phê phán những mâu thuẫn trong lòng chủ nghĩa tư bản, đề xuất xây dựng một xã hội mới tốt đẹp hơn, thay thế chế độ tư bản.

### **\*Tính độc lập tương đối và sự tác động ngược trở lại của ý thức xã hội**

#### **- Tính độc lập tương đối của ý thức xã hội**

+Ý thức xã hội thường lạc hậu so với tồn tại xã hội do không phản ánh kịp những thay đổi của tồn tại xã hội do sức ỳ của thói quen, truyền thống, tập quán và tính bảo thủ của một số hình thái ý thức xã hội v.v... tiếp tục tồn tại sau khi những điều kiện lịch sử sinh ra chúng đã mất đi từ lâu; do lợi ích nên không chịu thay đổi. VD: Một số hủ tục lạc hậu: chữa bệnh bằng bùa chú, người Mông phơi xác chết hàng chục ngày rồi mới mai táng.

+Ý thức xã hội có thể vượt trước tồn tại xã hội. Do tính năng động của ý thức, trong những điều kiện nhất định, tư tưởng, đặc biệt là những tư tưởng khoa học tiên tiến có thể vượt trước sự phát triển của tồn tại xã hội; dự báo được quy luật và có tác dụng tổ chức, hướng hoạt động thực tiễn của con người vào mục đích nhất định. Đó cũng là vai trò to lớn của những tư tưởng tiên tiến, khoa học; tuy nhiên, sự vượt trước này cũng có khả năng là ảo tưởng.

VD: Chủ nghĩa Mác Lênin là hệ tư tưởng của giai cấp công nhân - giai cấp cách mạng nhất của thời đại. Tuy ra đời vào thế kỷ XIX, trong lòng chủ nghĩa tư bản nhưng chủ nghĩa Mác Lênin đã chỉ rõ quy luật của chủ nghĩa tư bản nói riêng. Qua đó khẳng định rằng chủ nghĩa tư bản nhất định sẽ bị thay thế bằng chủ nghĩa cộng sản mà giai đoạn đầu là chủ nghĩa xã hội. Học thuyết đó đã trang bị cho giai cấp công nhân và chính đảng cộng sản vũ khí lý luận sắc bén để giải phóng mình và giải phóng nhân dân lao động, các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới thoát khỏi ách nô dịch, bóc lột, xây dựng một xã hội hoàn toàn tốt đẹp. Trong thời đại ngày nay, chủ nghĩa Mác Lênin vẫn là thế giới quan và phương pháp luận chung nhất cho nhận thức và cải tạo thế giới trên mọi lĩnh vực, vẫn là cơ sở lý luận và phương pháp khoa học cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

+Ý thức xã hội có tính kế thừa. Quan điểm, lý luận của mỗi thời đại được tạo ra trên cơ sở kế thừa những thành tựu lý luận của các thời đại trước. Kế thừa có tính tất yếu khách quan; có tính chọn lọc và sáng tạo; kế thừa theo quan điểm lợi ích; theo truyền thống và đổi mới. Do vậy, nếu không chú ý đến sự phát triển tư tưởng của các giai đoạn lịch sử trước được kế thừa trong ý thức xã hội mới, thì khó giải thích được một tư tưởng nhất định. VD: chủ nghĩa Mác Lênin, kế thừa tinh hoa tư tưởng của loài người đã đạt được trước đó mà trực tiếp là nền triết học cổ điển Đức, nền kinh tế chính trị học cổ điển Anh và chủ nghĩa xã hội không tưởng ở Pháp.

Lịch sử phát triển của các tư tưởng cho thấy những giai đoạn hưng thịnh và suy tàn của tư tưởng nhiều khi không phù hợp hoàn toàn với những giai đoạn hưng thịnh và suy tàn của nền kinh tế. Điều này chỉ ra rằng, vì sao một nước có trình độ kinh tế kém phát triển, nhưng tư tưởng lại ở trình độ phát triển cao. VD: Nước Pháp thế kỷ XVIII nền kinh tế kém phát triển hơn nước Anh, nhưng tư tưởng lại tiên tiến hơn nước Anh, hoặc so với nước Anh, Pháp nửa đầu thế kỷ XIX, nước Đức lạc hậu hơn về kinh tế, nhưng đứng ở trình độ cao hơn về triết học.

+ Sự tác động qua lại giữa các hình thái ý thức xã hội cũng gây ảnh hưởng tới tồn tại xã hội. Thông thường, trong mỗi thời đại, tùy theo những hoàn cảnh lịch sử cụ thể, có những hình thái ý thức xã hội nào đó nổi lên hàng đầu tác động và chi phối các hình thái ý thức xã hội khác.

VD: Ở Hy Lạp cổ đại, triết học và nghệ thuật đóng vai trò đặc biệt quan trọng, còn ở Tây u thời trung cổ, tôn giáo ảnh hưởng mạnh mẽ đến mọi mặt của đời sống tinh thần xã hội như triết học, nghệ thuật, đạo đức, chính trị, pháp quyền, ở giai đoạn lịch sử sau này thì ý thức chính trị lại đóng vai trò to lớn tác động đến các hình thái ý thức xã hội khác nhau.

- Sự tác động ngược trở lại của ý thức xã hội lên tồn tại xã hội là biểu hiện quan trọng của tính độc lập tương đối của ý thức xã hội đối với tồn tại xã hội. Đó là sự tác động nhiều chiều với các phương thức phức tạp. Sự tác động này thể hiện mức độ phù hợp giữa tư tưởng với hiện thực; sự xâm nhập của ý thức xã hội vào quần chúng cả chiều sâu, chiều rộng và phụ thuộc vào khả năng hiện thực hoá ý thức xã hội của giai cấp và đảng phái.

VD: nguyên lý của triết học Mác Lênin về tính độc lập tương đối của ý thức xã hội chỉ ra bức tranh phức tạp của lịch sử phát triển của ý thức xã hội và của đời sống tinh thần xã hội nói chung. Nó bác bỏ mọi quan điểm siêu hình, máy móc tầm thường về mối quan hệ giữa tồn tại xã hội và ý thức XH.

Như vậy, ý thức xã hội, với tính cách là thể thống nhất độc lập, tích cực tác động ngược trở lại lên tồn tại xã hội nói riêng và lên đời sống xã hội nói chung.

## **12. Bản chất con người theo Mác Xít**

Trong quan niệm của triết học mác - xít, con người là một thực thể trong sự thống nhất biện chứng giữa cái tự nhiên và cái xã hội. Con người sinh ra từ tự nhiên, tuân theo các quy luật tự nhiên, đồng thời con người tồn tại và phát triển gắn liền với sự tồn tại và phát triển của xã hội.

-Bản chất con người không phải là một cái trừu tượng mà là cái hiện thực, không phải cái tự nhiên mà là lịch sử, không phải là cái vốn có trong mỗi cá thể riêng lẻ mà là tổng hòa toàn bộ quan hệ xã hội.



## **\*Bản chất con người theo Mác Xít**

**-Con người là sản phẩm của lịch sử đồng thời là chủ thể của lịch sử :** bản thân xã hội sản xuất ra con người như thế nào thì con người cũng sản xuất ra xã hội như thế.

Không có thế giới tự nhiên, không có lịch sử xã hội thì không tồn tại con người. Bởi vậy, con người là sản phẩm của lịch sử, của sự tiến hóa lâu dài của giới hữu sinh. Với tư cách là thực thể xã hội, con người hoạt động thực tiễn, tác động vào tự nhiên, cải biến giới tự nhiên, đồng thời thúc đẩy sự vận động phát triển của lịch sử xã hội. Trong quá trình cải biến tự nhiên, con người cũng làm ra lịch sử của mình. Con người là sản phẩm của lịch sử, đồng thời là chủ thể sáng tạo ra lịch sử của chính bản thân con người. Hoạt động lao động sản xuất vừa là điều kiện cho sự tồn tại của con người, vừa là phương thức để làm biến đổi đời sống và bộ mặt xã hội. Không có hoạt động của con người thì cũng không tồn tại quy luật xã hội, và do đó, không có sự tồn tại của toàn bộ lịch sử xã hội loài người.niệm Mác xít về con người.

**- Con người là một thực thể thống nhất giữa mặt sinh vật với mặt xã hội.**

+ Về mặt tự nhiên (sinh vật), tiền đề vật chất đầu tiên quy sự tồn tại của con người là giới tự nhiên. Cũng do đó, bản tính tự nhiên của con người bao hàm trong nó tất cả bản tính sinh học, tính loài của nó. Yếu tố sinh học trong con người là điều kiện đầu tiên quy định sự tồn tại của con người. Vì vậy, có thể nói: Giới tự nhiên là "thân thể vô cơ của con người"; con người là một bộ phận của tự nhiên; là kết quả của quá trình phát triển và tiến hoá lâu dài của môi trường tự nhiên.

+ Về mặt xã hội, cần khẳng định rằng, mặt tự nhiên không phải là yếu tố duy nhất quy định bản chất con người. Đặc trưng quy định sự khác biệt giữa con người với thế giới loài vật là phương diện xã hội của nó. Với phương pháp biện chứng duy vật, triết học Mác nhận thức vấn đề con người một cách toàn diện, cụ thể, trong toàn bộ tính hiện thực xã hội của nó, mà trước hết là lao động sản xuất ra của cải vật chất. Thông qua hoạt động sản xuất vật chất; con người đã làm thay đổi, cải biến giới tự nhiên: "Con vật chỉ sản xuất ra bản thân nó, còn con người thì tái sản xuất ra toàn bộ giới tự nhiên".

Với phương pháp biện chứng duy vật, triết học Mác nhận thức vấn đề con người một cách toàn diện, cụ thể, trong toàn bộ tính hiện thực xã hội của nó, mà trước hết là lao động sản xuất ra của cải vật chất. Thông qua hoạt động sản xuất vật chất; con người đã làm thay đổi, cải biến giới tự nhiên: "Con vật chỉ sản xuất ra bản thân nó, còn con người thì tái sản xuất ra toàn bộ giới tự nhiên". Tính xã hội của con người biểu hiện trong hoạt động sản xuất vật chất; hoạt động sản xuất vật chất biểu hiện một cách căn bản tính xã hội của con người. Thông qua hoạt động lao động sản xuất, con người sản xuất ra của cải vật chất và tinh thần, phục vụ đời sống của mình; hình thành và phát triển ngôn ngữ và tư duy; xác

lập quan hệ xã hội. Bởi vậy, lao động là yếu tố quyết định hình thành bản chất xã hội của con người, đồng thời hình thành nhân cách cá nhân trong cộng đồng xã hội. Là sản phẩm của tự nhiên và xã hội nên quá trình hình thành và phát triển của con người luôn luôn bị quyết định bởi ba hệ thống quy luật khác nhau, nhưng thống nhất với nhau. Hệ thống các quy luật tự nhiên như quy luật về sự phù hợp cơ thể với môi trường, quy luật về sự trao đổi chất, về di truyền, biến dị, tiến hóa... quy định phương diện sinh học của con người. Hệ thống các quy luật tâm lý ý thức hình thành và vận động trên nền tảng sinh học của con người như hình thành tình cảm, khát vọng, niềm tin, ý chí. Hệ thống các quy luật xã hội quy định quan hệ xã hội giữa người với người. Ba hệ thống quy luật trên cùng tác động, tạo nên thể thống nhất hoàn chỉnh trong đời sống con người bao gồm cả mặt sinh học và mặt xã hội. Mỗi quan hệ sinh học và xã hội là cơ sở để hình thành hệ thống các nhu cầu sinh học và nhu cầu xã hội trong đời sống con người như nhu cầu ăn, mặc, ở; nhu cầu tái sản xuất xã hội; nhu cầu tình cảm; nhu cầu thẩm mỹ và hưởng thụ các giá trị tinh thần. Mặt sinh học là cơ sở tất yếu tự nhiên của con người, còn mặt xã hội là đặc trưng bản chất để phân biệt con người với loài vật.

**- Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hoà những quan hệ xã hội.**

Từ những quan niệm trên, chúng ta thấy rằng, con người vượt lên thế giới loài vật trên cả ba phương diện khác nhau: quan hệ với tự nhiên, quan hệ với xã hội và quan hệ với chính bản thân con người. Cả ba mối quan hệ đó, suy đến cùng, đều mang tính xã hội, trong đó quan hệ xã hội giữa người với người là quan hệ bản chất, bao trùm tất cả các mối quan hệ khác và mọi hoạt động trong chừng mực liên quan đến con người. Bởi vậy, để nhấn mạnh bản chất xã hội của con người, C.Mác đã nêu lên luận đề nổi tiếng trong tác phẩm Luận cương về Phoiơbắc: "Bản chất con người không phải là một cái trừu tượng cố hữu của cá nhân riêng biệt. Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hoà những quan hệ xã hội". Luận đề trên khẳng định rằng, không có con người trừu tượng, thoát ly mọi điều kiện, hoàn cảnh lịch sử xã hội. Con người luôn luôn cụ thể, xác định, sống trong một điều kiện lịch sử cụ thể nhất định, một thời đại nhất định. Trong điều kiện lịch sử đó, bằng hoạt động thực tiễn của mình, con người tạo ra những giá trị vật chất và tinh thần để tồn tại và phát triển cả thể lực và tư duy trí tuệ. Chỉ trong toàn bộ các mối quan hệ xã hội đó (như quan hệ giai cấp, dân tộc, thời đại; quan hệ chính trị, kinh tế; quan hệ cá nhân, gia đình, xã hội...) con người mới bộc lộ toàn bộ bản chất xã hội của mình. Song, ở con người, mặt tự nhiên tồn tại trong sự thống nhất với mặt xã hội; ngay cả việc thực hiện những nhu cầu sinh vật ở con người cũng đã mang tính xã hội. Quan niệm bản chất con người là tổng hoà những quan hệ xã hội mới giúp cho chúng ta nhận thức đúng đắn, tránh khỏi cách hiểu thô thiển về mặt tự nhiên, cái sinh vật ở con người.

## B. Một số câu hỏi vận dụng

### 1. Ý nghĩa trong việc phát huy nhân tố con người ở nước ta hiện nay

-Việc nhận thức rõ bản chất của con người có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc giải quyết vấn đề con người, từng bước thoát khỏi thần quyền và bạo quyền để đi đến mục tiêu cuối cùng là phát triển toàn diện cá nhân trong xã hội văn minh. Không một dân tộc nào tồn tại và phát triển lại không chú ý tới vấn đề con người, có điều là khác nhau ở mục đích và phương pháp giải quyết mà thôi.

-Ngày nay, ở nước ta, cùng với quá trình đổi mới toàn diện đất nước và bước vào giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa việc xây dựng con người Việt Nam hiện đại là yêu cầu cấp bách.

-Phát triển người tụt trung là gia tăng giá trị cho con người, giá trị tinh thần, giá trị đạo đức, giá trị thể chất, vật chất. Con người ở đây được xem xét như một tài nguyên, một nguồn lực.

- Vì thế, phát triển người hoặc phát triển nguồn lực con người trở thành một lĩnh vực nghiên cứu hết sức cần thiết trong hệ thống phát triển các loại nguồn lực như vật lực, tài lực, nhân lực, trong đó phát triển nguồn nhân lực giữ vai trò trung tâm. Khi phát triển con người cần chú ý một số nguyên tắc sau:- Cần phải xuất phát từ nền tảng của con người Việt Nam hiện thực (chính là đặc điểm con người Việt Nam);

- Xuất phát từ yêu cầu của sự nghiệp đổi mới, đó là những vấn đề đặt ra trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước hiện nay và những xu hướng biến đổi của thời đại.

-Việc nhận thức đúng đắn về khái niệm nhân tố con người là sự phát triển sáng tạo quan điểm Mác - Lênin về con người với tư cách là người sáng tạo có ý thức, là chủ thể của lịch sử. Tựu trung lại, có hai cách tiếp cận chính: Thứ nhất, coi nhân tố con người như là hoạt động của những con người riêng biệt, những năng lực và khả năng của họ do các nhu cầu và lợi ích cũng như tiềm năng trí lực và thể lực của mỗi người quyết định. Thứ hai, coi nhân tố con người như là một tổng hoà các phẩm chất thuộc tính, đặc trưng, năng lực đa dạng của con người, biểu hiện trong các dạng thức hoạt động khác nhau.

-Nhu vậy, có thể hiểu nhân tố con người là hệ thống các yếu tố, các đặt trưng quy định vai trò chủ thể của con người, bao gồm một chỉnh thể thống nhất giữa các mặt hoạt động với tổng hòa các đặt trưng về phẩm chất, năng lực của con người trong một quá trình biến đổi và phát triển nhất định.

-Phát huy tốt nhân tố con người chính là việc chúng ta sử dụng con người đó như thế nào; Việc đào tạo bồi dưỡng con người ra sao và tạo động lực như thế nào để kích thích tính chủ động sáng tạo của nhân tố đó (về đời sống vật chất, tinh thần, xây dựng những quan hệ xã hội nhân văn tốt đẹp để các cá nhân, các

cộng đồng thể hiện tối đa năng lực của mình trong các hoạt động nhằm thúc đẩy sự phát triển xã hội).

-Từ sự phân tích như trên, để xây dựng con người Việt Nam mới trong giai đoạn đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá cần thực hiện đồng bộ các vấn đề cơ bản sau:

**Một là, tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.** Kinh tế thị trường không đối lập với chủ nghĩa xã hội mà là thành tựu phát triển của nền văn minh nhân loại, nó tồn tại khách quan trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội. Tuy nhiên, kinh tế thị trường phải có sự quản lý của Nhà nước. Thực tiễn đã chứng minh, những chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước ta trong gần 30 năm đổi mới vừa qua đã tạo nên động lực kinh tế giải phóng sức sản xuất, trực tiếp thúc đẩy kinh tế phát triển, tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng con người Việt Nam mới.

**Hai là, nâng cao hiệu quả giáo dục, phát triển nguồn nhân lực.** Phát triển kinh tế gắn liền với tự do chính trị và tự do công dân. Do đó, sự phát triển nguồn lực con người và giáo dục được coi là yếu tố quan trọng to lớn đối với tiến bộ kinh tế và tiến bộ xã hội. Đầu tư vào con người là cơ sở chắc chắn nhất cho sự phát triển. Vì thế, ngày nay, cùng với việc đổi mới công nghệ, phải chú ý đổi mới công tác giáo dục, với phương châm: "Giáo dục cái mà đất nước cần, chứ không phải giáo dục cái mà ta có". Mặt khác, giáo dục toàn diện: giáo dục chính trị, giáo dục lao động nghề nghiệp, giáo dục đạo đức, phải sử dụng nhiều hình thức giáo dục đào tạo đa dạng phong phú, tạo điều kiện cho con người tự giác, tự giáo dục, chủ động sáng tạo. Đầu tư cho giáo dục được coi là đầu tư cơ bản, đầu tư cho tái sản xuất sức lao động, đầu tư cho tương lai. Không phải ngẫu nhiên mà ở nước ngoài, trong kế hoạch phát triển đất nước, nhiều quốc gia đều đặt giáo dục vào hệ thống ba chiến lược: giáo dục - khoa học và mở cửa. Đại hội XI của Đảng, trong ba đột phá chiến lược, Đảng ta nhấn mạnh: phải phát triển nhanh nguồn lực nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào việc đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục quốc dân, gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển ứng dụng khoa học công nghệ. Những quan điểm trên là cơ sở định hướng cho quá trình chúng ta có những giải pháp đúng đắn nhằm đổi mới toàn diện giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực cao, nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của khoa học công nghệ. Có thể nói, sự lạc hậu về giáo dục - đào tạo sẽ phải trả giá đắt trong cuộc chạy đua của những thập niên đầu thế kỷ XXI mà thực chất là chạy đua về trí tuệ và phát triển giáo dục - đào tạo trong cách mạng khoa học và công nghệ.

**Ba là, ổn định chính trị và mở rộng phát huy dân chủ.** Bất kỳ một quốc gia dân tộc nào, dù ở chế độ chính trị nào cũng cần có sự ổn định chính trị - xã hội. Bởi vì, đó là tiền đề để phát triển và tiến bộ xã hội. Ổn định chính trị, trước hết thể hiện sự ổn định hệ thống chính trị, cơ cấu hợp lý và thể chế chính trị hoàn chỉnh. ở Việt Nam, khi bước vào công cuộc đổi mới, vấn đề quan trọng được đặt

ra giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị là phải có sự kết hợp ngay từ đầu, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, và từng bước đổi mới chính trị, nhằm làm cho hệ thống chính trị phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đó cũng là quá trình củng cố và phát triển hệ thống chính trị từ nền tảng kinh tế của nó. Mục tiêu đổi mới hệ thống chính trị là nhằm thực hiện tốt dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân.

**Bốn là, mở rộng giao lưu, chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế.** Để tạo điều kiện cho con người Việt Nam sáng tạo tránh được những sai lầm quanh co, để đưa đất nước đi lên tiến kịp trên con đường tiến hoá của nhân loại, đòi hỏi phải kết hợp việc tổng kết kinh nghiệm trong nước và kinh nghiệm của thế giới. Không chỉ tìm phương thức, hình thức xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nội bộ nước mình, dân tộc mình, các nước xã hội chủ nghĩa mà còn tìm ngay trong các nước tư bản chủ nghĩa. Tiếp thu có phê phán, chọn lọc những giá trị phong phú của loài người sẽ tạo thành một động lực mạnh mẽ để hình thành từng bước một chủ thể mới của lịch sử - con người Việt Nam mới, vừa mang bản chất giai cấp công nhân, vừa đại biểu cho sự phát triển của dân tộc. Và chắc chắn rằng "Thế kỷ XXI sẽ là thế kỷ nhân dân ta tiếp tục giành thêm nhiều thắng lợi to lớn trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, đưa nước ta sánh vai cùng các nước phát triển trên thế giới".

**Năm là, đẩy mạnh việc đấu tranh tham nhũng, làm trong sạch bộ máy Đảng và Nhà nước.** Việc con người có thể phát huy mạnh mẽ năng lực hành động tự do sáng tạo đến đâu phụ thuộc vào bản chất của chế độ xã hội. Nhưng trong hiện thực cụ thể, điều ấy phụ thuộc trực tiếp trước tiên vào tổ chức hoạt động của bộ máy chính trị. Vì thế việc xây dựng bộ máy chính trị có ý nghĩa cực kỳ quan trọng. ở đây, đấu tranh chống tham nhũng làm trong sạch bộ máy Đảng và Nhà nước đang là yêu cầu cấp bách. Tham nhũng là hiện tượng xã hội có nguồn gốc lịch sử, nó xuất hiện khi xã hội loài người phân chia thành giai cấp nhà nước. Tham nhũng hiện nay có mặt ở mọi chính thể, mọi thể chế chính trị của mọi quốc gia trên thế giới. ở Việt Nam, tham nhũng là một thách thức số một với dân tộc, với sự phát triển và định hướng xã hội chủ nghĩa.

## **2. Nêu những đặc điểm của cơ sở hạ tầng và kiến trúc hạ tầng ở nước ta hiện nay**

Cơ sở hạ tầng thời kỳ quá độ ở nước ta bao gồm các thành phần kinh tế như: kinh tế nhà nước, kinh tế hợp tác, kinh tế tư bản nhà nước, kinh tế cá thể, kinh tế tư bản tư nhân, cùng các kiểu quan hệ sản xuất gắn liền với hình thức sở hữu khác nhau, thậm chí đối lập nhau cùng tồn tại trong một cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất. Đó là nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Các thành phần đó vừa khác nhau về vai trò, chức năng, tính chất, lại vừa thống nhất với nhau trong một cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất, chúng vừa cạnh tranh nhau, vừa liên kết, bổ sung với nhau.

Để định hướng xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế này, nhà nước phải sử dụng tổng thể các biện pháp kinh tế hành chính và giáo dục. Trong đó biện pháp kinh tế có vai trò quan trọng nhất nhằm từng bước xã hội hoá nền sản xuất với hình thức và bước đi thích hợp theo hướng: kinh tế quốc doanh được củng cố và phát triển vươn lên giữ vai trò chủ đạo, kinh tế tập thể dưới hình thức thu hút phần lớn những người sản xuất nhỏ trong các ngành nghề, các hình thức xí nghiệp, công ty cổ phần phát triển mạnh, kinh tế tư nhân và gia đình phát huy được mọi tiềm năng.

Đảng ghi rõ “phải tập trung nguồn vốn đầu tư nhà nước cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội và một số công trình công nghiệp then chốt đã được chuẩn bị vốn và công nghệ. Nâng cấp và xây dựng mới hệ thống giao thông, sân bay, bến cảng, thông tin liên lạc, giáo dục và đào tạo, y tế ”, “Từ nay tới cuối thập kỷ, phải quan tâm tới công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và kinh tế nông thôn, phát triển toàn diện nông, lâm, ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu”.

Về kiến trúc thượng tầng, Đảng ta khẳng định: Lấy chủ nghĩa Mác-Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm kim chỉ nam cho mọi hành động của toàn Đảng, toàn dân ta, giải phóng con người khỏi chế độ bóc lột thoát khỏi nỗi nhục của mình là đi làm thuê bị đánh đập, lương ít.

Bởi vậy, trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta, việc giáo dục truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin tư tưởng Hồ Chí Minh trở thành tư tưởng chủ đạo trong đời sống tinh thần của xã hội là việc làm thường xuyên, liên tục của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực kiến trúc thượng tầng.

Trong cương lĩnh xây dựng đất nước thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Đảng ghi rõ: “xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa, nhà nước của dân, do dân và vì dân, liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng, do Đảng cộng sản lãnh đạo ”. Như vậy, tất cả các tổ chức, bộ máy tạo thành hệ thống chính trị - xã hội không tồn tại như một mục đích tư nhân mà vì phục vụ con người, thực hiện cho được lợi ích và quyền lợi thuộc về nhân dân lao động.

Mỗi bước phát triển của cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng là một bước giải quyết mâu thuẫn giữa chúng. Việc phát triển và củng cố cơ sở hạ tầng điều chỉnh và củng cố các bộ phận của kiến trúc thượng tầng là một quá trình diễn ra trong suốt thời kỳ quá độ.

### **3. Ý nghĩa thực tiễn của mối quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội với ý thức xã hội**

Trong giai đoạn quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội hiện nay, những tàn dư của tư tưởng cũ vẫn còn, mặt tích cực và tiêu cực trong tình hình tư tưởng trong Đảng

và trong nhân dân hiện nay vẫn còn đan xen nhau. Trong đó mặt tích cực là cơ bản, đã và đang quyết định chiều hướng phát triển của xã hội, là nguyên tố quan trọng tạo nên thắng lợi của cuộc đổi mới đất nước. Tính tích cực năng động sáng tạo của các tầng lớp nhân dân ngày càng rõ trên các lĩnh vực xã hội, phát huy tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái, lòng yêu nước, ý thức tự hào, tự tôn dân tộc, truyền thống cách mạng và lịch sử bản sắc dân tộc được tiếp tục giữ gìn và phát huy. Tuy nhiên, hiện nay nhiều vấn đề xã hội còn phức tạp. Những hạn chế mơ hồ về tư tưởng, nhận thức và tình trạng suy thoái về đạo đức lối sống khá phổ biến, nhất là trong một bộ phận không nhỏ cán bộ - Đảng viên chưa được ngăn chặn hình thức phai nhạt lý tưởng cách mạng sa sút phẩm chất đạo đức tệ quan liêu tham nhũng lãng phí chủ nghĩa cá nhân tư tưởng cơ hội thực dụng có chiều hướng phát triển. Những mặt tiêu cực là nguy cơ tiềm ẩn liên quan sự mất còn của Đảng.

Từ tình hình đó, Đảng ta chủ trương toàn Đảng phải nghiêm túc học tập chủ nghĩa Mác Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, không ngừng bồi dưỡng nâng cao đạo đức cách mạng và mục tiêu của cuộc cách mạng trên lĩnh vực tư tưởng cần đạt được là xây dựng nền văn hóa mới và con người mới XHCN. Vì thế, nhiệm vụ trọng tâm về tư tưởng là làm cho chủ nghĩa Mác Lênin và tư tưởng HCM giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần của xã hội. Còn nhiệm vụ cấp bách về văn hóa là xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc và nêu cao tinh thần trách nhiệm của gia đình trong việc xây dựng và bồi dưỡng các thành viên có lối sống văn hóa, đẩy mạnh phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa; ngăn chặn việc phục hồi các thủ tục, khắc phục tình trạng mê tín đang có xu hướng lan rộng trong xã hội”. Mặt khác, ta phải biết chọn lọc, tiếp thu, kế thừa những thành quả văn minh, những di sản quý giá do loài người tạo ra bao thế hệ những thành tựu văn hóa, khoa học hiện đại đồng thời cũng kiên quyết chống chủ nghĩa hư vô và khuynh hướng siêu giai cấp trong việc kế thừa di sản để lại.

Việc tăng trưởng kinh tế sẽ dẫn đến việc gia tăng hiệu quả kinh tế. Hiệu quả kinh tế gắn liền với hiệu quả xã hội. Việc đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế tạo cơ hội cho mọi tầng lớp nhân dân tự do làm ăn theo pháp luật sẽ là một tiến bộ về mặt xã hội, là thực hiện dân chủ hóa trong lĩnh vực kinh tế, từ đó giải quyết tốt hơn việc làm thu nhập và đời sống. Tuy nhiên tăng trưởng kinh tế tự nó không thể giải quyết được tất cả các vấn đề xã hội trong đó có sự phân hóa giàu nghèo là không tránh khỏi. Do đó, trong đường lối phát triển kinh tế xã hội, một mặt Đảng và Nhà nước ta chủ trương bảo vệ và khuyến khích công dân làm giàu hợp pháp, được hưởng thụ văn hóa, giáo dục đào tạo, chăm lo y tế, được hưởng thụ xứng đáng với công sức, tiền của bỏ vào sản xuất, chống tư tưởng bình quân, ỷ lại, đái ngộ xứng đáng tài năng; một mặt Đảng và Nhà nước phải chăm lo việc thực hiện phân phối công bằng theo lao động, mở rộng phúc lợi xã hội, đổi mới tốt chính sách bảo hiểm xã hội, bảo vệ sức khỏe, nâng cao thể lực cho nhân dân, bảo đảm nhu cầu thuốc chữa bệnh. Thực hiện tốt chính sách đền ơn

đáp nghĩa, xóa đói giảm nghèo, tạo phong trào đoàn kết giúp đỡ trong nhân dân theo truyền thống “lá lành đùm lá rách” tương thân tương ái đùm bọc lẫn nhau. Đẩy mạnh hơn nữa chống tham nhũng, bất công xã hội nghiêm trọng hiện nay. Cải cách chế độ tiền lương để người lao động hăng hái làm việc đủ sống và nâng cao mức sống, mức đóng góp cho xã hội.

Ngược lại chính việc giải quyết tốt những vấn đề xã hội là điều kiện quyết định để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Chúng ta không thể sớm có ngay một xã hội tốt đẹp trong khi kinh tế nước ta còn kém phát triển, năng suất lao động thấp, kinh tế kỹ thuật còn lạc hậu nhưng ta phải kết hợp ngay từ đầu tăng trưởng kinh tế với tiến bộ xã hội.

Tóm lại, vận dụng mối quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội, Đảng đã xác định đúng đắn đường lối phát triển kinh tế gắn chặt với công bằng xã hội và phát triển mạnh mẽ văn hóa giàu bản sắc dân tộc ở nước ta, đó là điều kiện đảm bảo sự thành công và bền vững cho tiến trình đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

#### **4. Vận dụng nội dung quy luật phủ định của phủ y của VN trong việc lựa chọn con đường đi lên CNXH**

-Quy luật này chỉ ra cách thức của sự phát triển là sau các lần phủ định sự vật dường như quay trở lại cái ban đầu nhưng trên cơ sở cao hơn. Lịch sử XH loài người tất yếu sẽ phủ định các chế độ tư hữu xây dựng chế độ công hữu, giải phóng con người khỏi áp bức bất công...

-Quy luật này chỉ ra sự phát triển theo đường xoáy ốc, quá trình phát triển có bước quanh co phức tạp thậm chí có bước thụt lùi tạm thời nên khi CNXH ở Liên Xô và Đông u sụp đổ nhưng Đảng và Nhà nước ta không do dự mà lựa chọn lại con đường đi lên CNXH. ..

-Hiện nay CNXH hiện thực đang đứng trước những khó khăn không nhỏ, nhưng những khó khăn đó chỉ là tạm thời, nhất định theo quy luật tất yếu của nhân loại tiến bộ sẽ xây dựng thành công CNXH...